

Số: 3085/QĐ-UBND

Phước Thái, ngày 05 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất và Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện dự án xây dựng Nút giao QL51 thuộc dự án đường cao tốc Bến Lức - Long Thành kết nối đường Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu tại xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai (đợt 3)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHƯỚC THÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2925/QĐ-BGTVT ngày 08 tháng 10 năm 2010 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng đường Cao tốc Bến Lức - Long Thành.

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 03 năm 2011 của Bộ giao thông Vận tải về việc tách phần GPMB & TĐC Dự án đầu tư xây dựng đường Cao tốc Bến Lức - Long Thành thành các Tiểu dự án GPMB & TĐC chuyển giao về địa phương làm chủ đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 5096/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ giao thông Vận tải về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng đường Cao tốc Bến Lức - Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 1471/QĐ-BGTVT ngày 31 năm 07 năm 2020 của Bộ giao thông Vận tải về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng đường Cao tốc Bến Lức - Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 961/QĐ-BGTVT ngày 04 tháng 08 năm 2023 của Bộ giao thông Vận tải về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Cao tốc Bến Lức - Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ-BGTVT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ giao thông Vận tải về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng Cao tốc Bến Lức - Long Thành;

Căn cứ Văn bản số 4047/UBND-KT ngày 16 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc xử lý thành lập Tiểu dự án giải phóng mặt bằng dự án đường Cao tốc Bến Lức - Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 5366/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 31 tháng 03 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 74/2024/QĐ-UBND ngày ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định bổ sung Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 88/2024/QĐ-UBND ngày ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai bổ sung Quyết định số 60/2024/QĐ-UBND ngày ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 62/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về ban hành quy định về bồi thường chi phí di chuyển tài sản; bồi thường, hỗ trợ chi phí di dời mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/ khu vực với cơ quan chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 86/2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh, bổ sung một số điều của Quy định về điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm giai đoạn 2020 - 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 9726/UBND-KT ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành về việc ủy quyền cho Ban quản lý dự án huyện đại diện cho Ủy ban nhân dân huyện làm Chủ đầu tư một số dự án trên địa bàn huyện Long Thành (đợt 2);

Căn cứ chứng thư thẩm định giá số 784/CT-ĐGD ngày 22 tháng 09 năm 2025 của công ty Cổ phần thẩm định giá Sen Việt;

Căn cứ Văn bản thẩm định số 970/HĐ-TĐGD ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng thẩm định giá đất xã Phước Thái về việc thẩm định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án xây dựng Nút giao QL51 thuộc dự án đường Cao tốc Bến Lức - Long Thành kết nối đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu đoạn qua xã Phước Thái;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng bồi thường ngày 04 tháng 12 năm 2025 về việc thông qua Phương án bồi thường, hỗ trợ dự án xây dựng Nút giao QL51 thuộc dự án đường cao tốc Bến Lức - Long Thành kết nối đường Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu tại xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai (đợt 3);

Theo đề nghị của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành tại Văn bản số 997/TTPTQĐ.CNLT-TBT.N1 ngày 03 tháng 12 năm 2025 và theo đề nghị của phòng Kinh tế tại Tờ trình số 286/TTr-PKT ngày 04 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Nút giao QL51 thuộc dự án đường cao tốc Bến Lức - Long Thành kết nối đường Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu tại xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai (đợt 3), cụ thể như sau:

Stt	Tên tài sản	Vị trí	Giá đất theo QĐ 86/2024 (đ/m ²)	Hệ số điều chỉnh	Giá đất dự thảo (đ/m ²)
I	Đất nông nghiệp:				
1	Đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm đường Quốc lộ 51 - Đoạn từ ranh giới xã Phước Thái - Long Phước đến cầu Thái Thiện (đường nhóm I) tại xã Phước Thái	Vị trí 1 (Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	220.000	9,05	1.991.000
		Vị trí 1 (Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)	176.000	9,05	1.592.800
		Vị trí 1 (Từ sau mét thứ 100 đến hết chiều sâu thửa đất)	150.000	9,05	1.357.500
		Vị trí 2	200.000	4,80	960.000
		Vị trí 4	150.000	4,46	669.000
2	Đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm đường vào UBND xã Phước Bình - Đoạn từ Quốc lộ 51 đến hết khu làng dân tộc Chơ ro (đường nhóm II) tại xã Phước Thái	Vị trí 2	190.000	4,00	760.000
		Vị trí 4	140.000	3,91	547.400
II	Đất ở tại nông thôn:				
1	Đất ở tại nông thôn đường Quốc lộ 51 - Đoạn từ ranh giới xã Phước Thái - Long Phước đến cầu Thái Thiện	Vị trí 1 (Từ mốc lộ giới đến hết mét thứ 50)	7.200.000	1,38	9.936.000
		Vị trí 1 (Từ sau mét thứ 50 đến hết mét thứ 100)	5.760.000	1,38	7.948.800
		Vị trí 1 (Từ sau mét thứ 100 đến hết chiều sâu thửa đất)	3.600.000	1,38	4.968.000

Stt	Tên tài sản	Vị trí	Giá đất theo QĐ 86/2024 (đ/m ²)	Hệ số điều chỉnh	Giá đất dự thảo (đ/m ²)
		Vị trí 2 (hẻm nhựa)	3.300.000	1,49	4.917.000
		Vị trí 2 (hẻm bê tông)	3.300.000	1,36	4.488.000
		Vị trí 2 (hẻm còn lại)	2.640.000	1,560	4.118.400
		Vị trí 4 (hẻm nhựa)	1.800.000	1,62	2.916.000
		Vị trí 4 (hẻm bê tông)	1.800.000	1,44	2.592.000
		Vị trí 4 (hẻm còn lại)	1.440.000	1,620	2.332.800
2	Đất ở tại nông thôn đường vào UBND xã Phước Bình - Đoạn từ Quốc lộ 51 đến hết khu làng Dân tộc Chơ ro	Vị trí 2 (hẻm nhựa)	3.000.000	1,41	4.230.000
		Vị trí 2 (hẻm bê tông)	3.000.000	1,27	3.810.000
		Vị trí 2 (hẻm còn lại)	2.400.000	1,44	3.480.000
		Vị trí 4 (hẻm nhựa)	1.800.000	1,45	2.610.000
		Vị trí 4 (hẻm bê tông)	1.800.000	1,27	2.286.000
		Vị trí 4 (hẻm còn lại)	1.440.000	1,41	2.030.100

Điều 2. Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng Nút giao QL51 thuộc dự án đường cao tốc Bến Lức - Long Thành kết nối đường Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu tại xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai (đợt 3), bao gồm:

1. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án xây dựng Nút giao QL51 thuộc dự án đường cao tốc Bến Lức - Long Thành kết nối đường Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu tại xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai (đợt 3) theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 88/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (nếu có).

1.1. Tổng số trường hợp phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ: **34 trường hợp**. Trong đó:

+ 17 trường hợp thu hồi đất

+ 17 trường hợp có tài sản trên đất thu hồi, trường hợp xây dựng tài sản trên đất của người khác.

1.2. Tổng diện tích phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ: **3.782,1m²**, loại đất: ONT, CLN, BHK, Trong đó:

+ Diện tích đất Phi nông nghiệp: 1.393,5m²

+ Diện tích đất Nông nghiệp: 2.388,6m²

1.3. Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ: **24.704.414.258 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi bốn tỷ, bảy trăm lẻ bốn triệu, bốn trăm mười bốn ngàn, hai trăm năm mươi tám đồng).

Trong đó:

- Bồi thường đất:	8.344.606.200 đồng.
- Bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	14.442.532.635 đồng.
- Bồi thường hỗ trợ tài sản khác:	84.532.448 đồng.
- Các chính sách hỗ trợ:	703.328.000 đồng
- Thuởng di dời:	294.000.000 đồng.
- Kinh phí cho tổ chức thực hiện BT,HT&TĐC: (3,5%):	835.414.975 đồng.

Trong đó:

+ Kinh phí cho UBND cấp xã 0,525%:	125.312.246 đồng.
+ Kinh phí cho TTPTQĐ 2,975%:	710.102.729 đồng.

(Đính kèm bảng tổng hợp)

2. Phương án bố trí tái định cư (nếu có): Đối với các trường đủ điều kiện bố trí tái định cư theo Điều 111 luật đất đai 2024 được bố trí tại khu tái định cư Long Phước tại xã Long Phước. Theo Thông báo số 899, 990/TB-TTPTQĐ.CNLT-TĐC ngày 30/10/2025; Thông báo số 966/TB-TTPTQĐ.CNLT-TĐC ngày 05/11/2025; Thông báo số 1466/TB-TTPTQĐ.CNLT-TĐC ngày 27/11/2025; Thông báo số 1468, 1469/TB-TTPTQĐ.CNLT-TĐC ngày 03/12/2025 của Trung tâm phát triển Quỹ đất tỉnh Đồng Nai chi nhánh Long Thành về dự kiến phương án bố trí tái định cư và xét giải quyết nơi ở cho các hộ dân Dự án xây dựng Nút giao QL51 thuộc dự án đường Cao tốc Bến Lức - Long Thành kết nối đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu đoạn qua xã Phước Thái.

Điều 3. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan:

1. Đề nghị Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế, Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án các đường cao tốc phía Nam (SEPMU)), Ban Quản lý dự án khu vực 5 và Trưởng ấp nơi có đất thu hồi phổ biến và niêm yết công khai Quyết định này tại Trụ sở Ủy

ban nhân dân xã, Phòng Kinh tế, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Nhà văn hoá ấp nơi có đất thu hồi đảm bảo đúng quy định.

- Trực tiếp giao Quyết định này đến từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) (có Biên bản giao nhận cụ thể); trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập Biên bản.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế tiến hành rà soát toàn bộ thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, đảm bảo đúng, đủ theo quy định pháp luật hiện hành. Chỉ được thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ khi đã đảm bảo đúng, đủ điều kiện, trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật hiện hành.

- Tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) theo Phương án được phê duyệt trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

- Quản lý chặt chẽ diện tích đất đã được giải phóng mặt bằng.

- Tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án, đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Chịu trách nhiệm về kết quả điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trình tự, thủ tục, các số liệu, nội dung và thành phần hồ sơ trình phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư này, đảm bảo theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

- Thực hiện lưu trữ hồ sơ, chứng từ gốc và các văn bản liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đúng theo quy định.

2. Phòng Kinh tế

- Chịu trách nhiệm về nội dung, số liệu, kết quả thẩm định Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

- Đề nghị Ban Quản lý dự án các đường cao tốc phía Nam (SEPMU), Ban Quản lý dự án khu vực 5 (Chủ đầu tư) bố trí nguồn kinh phí để chi trả cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) theo đúng quy định sau khi Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư này được phê duyệt.

- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân xã thực hiện đúng, đủ các nội dung quy định của pháp luật trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng dự án.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội đăng tải Quyết định này lên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng các phòng: Kinh tế, Văn hóa Xã hội, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành, Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Long Thành, Giám đốc Ban Quản lý dự án khu vực 5, Giám đốc Ban Quản lý dự án các đường cao tốc phía Nam (SEPMU) và các Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ph*

Nơi nhận: *ph*

- Như Điều 5;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, PCT. UBND xã;
- Chánh, Phó Chánh VP HĐND-UBND xã;
- Phòng Kinh tế xã (05 bản chính);
- Lưu: VT (Hải).

CHỦ TỊCH



Wu
Vũ Quốc Việt

BẢNG TỔNG HỢP DANH SÁCH VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

**Thuộc dự án: Nút giao Quốc lộ 51 thuộc dự án Xây dựng đường cao tốc Bến Lức - Long Thành kết nối đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu,
tại xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai (đợt 3)**

(Danh sách kèm theo Quyết định số 3085/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Phước Thái)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích thửa đất (m2)	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)				Đất do UBND quản lý	Diện tích đất hỗ trợ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
					Nông nghiệp		Phi nông nghiệp											
					Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở										
1	2	3		4	5	6	7	8		10	11	12	13	15	16	17	18	
1	Phạm Văn Quyết	phường Trảng Dài, tỉnh Đồng Nai	119,2	119,2			119,2	119,2			534.969.600					20.000.000	554.969.600	
2	Lê Thị Dung	Ấp 1C, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai	296,3	11,8	11,8						11.328.000	4.131.000				2.000.000	17.459.000	
3	Lê Văn Cường	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai	485,1	485,1	485,1						465.696.000					16.000.000	481.696.000	
4	Nguyễn Thị Thảo	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai	230,0	230,0	130,0		100,0	100,0			616.500.000	915.555.470		4.266.200	60.000.000	20.000.000	1.616.321.670	
5	Lục Thị Kim Tuyến	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai	784,9	784,9	684,9		100,0	100,0			1.149.204.000	160.664.604		2.945.200	65.832.000	20.000.000	1.398.645.804	
6	Hoàng Thị Thanh	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai	117,4	117,4	67,4		50,0	50,0			241.724.000	292.565.510		2.018.000	65.832.000	20.000.000	622.139.510	
7	Trịnh Thị Thương	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai	197,8	124,9	74,9		50,0	50,0			296.304.000	391.572.400		2.330.000	51.000.000	20.000.000	761.206.400	
8	Nguyễn Minh Lâm	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai	490,8	490,8	340,8		150,0	150,0			1.064.718.000	2.795.794.960		17.512.600	69.000.000	20.000.000	3.967.025.560	
9	Nguyễn Văn Hiến - Đặng Thị Loan	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai	175,9	175,9	75,9		100,0	100,0			521.664.000	422.447.436		2.080.400	51.000.000	20.000.000	1.017.191.836	
10	Nguyễn Cảnh Linh - Trịnh Thị Hiền	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai	84,3	84,3			84,3	84,3			378.338.400	193.442.000		1.309.000	79.000.000	20.000.000	672.089.400	
11	Trần Thị Hoài	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai	100,0	100,0			100,0	100,0			448.800.000	470.249.180		3.970.800	51.000.000	20.000.000	994.019.980	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích thửa đất (m2)	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)				Đất do UBND quản lý	Diện tích đất hỗ trợ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
					Nông nghiệp		Phi nông nghiệp											
					Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở										
12	Dương Tôn Bình - Kiều Nguyệt Minh	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai	91,3	91,3	1,3		90,0	90,0			234.149.700	424.907.750		2.018.000	51.000.000	20.000.000	732.075.450	
13	Trần Văn Xe - Nguyễn Thị Tâm	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai	587,8	587,8	287,8		300,0	300,0			1.751.388.000	228.000.480		3.356.800	98.664.000	20.000.000	2.101.409.280	
14	Cù Huy Thiết - Nguyễn Thị Như Hoa	Khu Bàu Cá, xã An Phước, tỉnh Đồng Nai	184,5	184,5	84,5		100,0	100,0			315.730.500	35.210.340			10.000.000	16.000.000	376.940.840	
15	Nguyễn Thị Thương	558/17 Kp Trần Cao Vân, xã Dầu Giây, tỉnh Đồng Nai	283,2	64,2	64,2						61.632.000	82.566.736		793.600		12.000.000	156.992.336	
16	Đoàn Ngọc Sâm - Trần Thị Kim Thành	Phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai	261,8	5,8	5,8						5.568.000	68.801.720		173.000		8.000.000	82.542.720	
17	Trần Thị Bích Yến	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai	124,2	124,2	74,2		50,0	50,0			246.892.000	379.722.800		1.915.000	51.000.000	20.000.000	699.529.800	
18	Nguyễn Văn Bình (TSTD thừa 33 tờ 109)	Ấp Phước Hải, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai										505.478.360		2.228.600			507.706.960	
19	Phan Chí Dũng (TSTD thừa 25 tờ 109)	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai										368.488.320		2.018.000			370.506.320	
20	Phạm Trung Kiên (TSTD thừa 25 tờ 109)	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai										450.514.592		923.000			451.437.592	
21	Trần Thanh Vũ - Lê Thị Tươi (TSTD thừa 15 tờ 109)	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai										466.292.920		2.711.200			469.004.120	
22	Vũ Đức Thiện (TSTD thừa 56 tờ 109)	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai										330.354.340		2.205.200			332.559.540	
23	Nguyễn Đình Cua (TSTD thừa 46 tờ 109)	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai										554.070.090		1.993.000			556.063.090	
24	Nguyễn Võ Lợi (TSTD thừa 37 tờ 108)	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai										468.802.140		3.383.000			472.185.140	
25	Trần Quốc Việt (TSTD thừa 32 tờ 109)	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai										573.861.000		2.018.000			575.879.000	
26	Hồ Thọ Dân (TSTD thừa 36 tờ 108)	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai										751.060.200		2.018.000			753.078.200	
27	Phạm Thành Trung (TSTD thừa 25 tờ 109)	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai										351.597.222		2.295.448			353.892.670	

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích thửa đất (m2)	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)				Đất do UBND quản lý	Diện tích đất hỗ trợ	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở, vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị bồi thường, hỗ trợ tài sản khác	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thường di dời	Tổng cộng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
					Nông nghiệp		Phi nông nghiệp											
					Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở										
28	Nguyễn Văn Nhiên (TSTD thửa 44 tờ 109)	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai										263.690.818		3.782.200			267.473.018	
29	Nguyễn Văn Thọ - Nguyễn Thị Nhung (TSTD thửa 27 tờ 109)	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai										345.980.899		1.890.000			347.870.899	
30	Tạ Duy Hiếu (TSTD thửa 26 tờ 109)	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai										345.782.580		2.072.600			347.855.180	
31	Nguyễn Anh Tuấn (TSTD thửa 46 tờ 109)	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai										586.516.000		2.277.000			588.793.000	
32	Nguyễn Tấn Tiên (TSTD thửa 53 tờ 109)	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai										476.714.808		2.472.000			479.186.808	
33	Phạm Ngọc Tân - Nguyễn Thị Yên (TSTD thửa 27 tờ 109)	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai										389.656.104		2.490.600			392.146.704	
34	Đặng Hồng Nhân - Trần Thị Dạ Thảo (TSTD thửa 27 tờ 109)	Ấp 1B, xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai										348.039.856		3.066.000			351.105.856	
Cộng			4.614,5	3.782,1	2.388,6	-	1.393,5	1.393,5	-	-	8.344.606.200	14.442.532.635	-	84.532.448	703.328.000	294.000.000	23.868.999.283	
1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ:																	23.868.999.283	
2. Kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường 3,5%:																	835.414.975	
Trong đó: - Kinh phí cho UBND cấp xã 0,525%:																	125.312.246	
- Kinh phí cho TTPTQĐ 2,975%:																	710.102.729	
																	24.704.414.258	
Bảng chữ: Hai mươi bốn tỷ, bảy trăm lẻ bốn triệu, bốn trăm mười bốn ngàn, hai trăm năm mươi tám đồng./.																		